

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Ông Đinh Quốc Hoàng.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Đỗ Thị Tình - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** bà Phạm Như Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 54/2023/TLST-HS ngày 09-6-2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2023/QĐXXST-HS ngày 06-7-2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2023/HSST-QĐ ngày 21-7-2023 đối với bị cáo:

Lê Ngọc Th, sinh ngày 13-5-1984 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: tổ đường 5/6, đường H, phường H, quận HB, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Trương Ngọc Th; có vợ là Bùi Thị Thùy D và có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 03-01-2023, đến ngày 12-01-2023 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** chị Trần Thị Hà G, sinh năm 1991; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố 7, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; chỗ ở hiện nay: tổ đường 5/6, đường H, phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với Lê Ngọc Th và có nhu cầu vay vốn để kinh doanh, chị Trần Thị Hà G đã nói chuyện với Th và nhờ Th vay hộ tiền có trả lãi. Bản thân Th có một khoản tiền tiết kiệm nên Th đã nảy sinh ý định cho chị G vay để lấy tiền lãi. Trong thời gian từ tháng 3-2019 đến tháng 10-2019, chị G đã nhiều lần vay tiền của Th với mức lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm), định kỳ hàng tháng (30 ngày) chị G phải đóng lãi 01 lần. Hàng tháng, chị G trả lãi bằng cách chuyển khoản từ số tài khoản 104870810814 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và số tài khoản 32810000814634 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam của mình đến số tài khoản 103867851800 mang tên Lê Ngọc Th mở tại Ngân hàng Công thương Việt Nam hoặc chuyển trực tiếp tiền mặt cho Th.

Nhận thấy mức lãi suất mà Lê Ngọc Th đưa ra cho các khoản vay của mình là cao hơn nhiều lần so với quy định của pháp luật nên ngày 02-01-2023, chị G đã trình báo với Cơ quan Công an xác minh, làm rõ và thu hồi trả lại cho chị G số tiền mà Lê Ngọc Th đã thu lời bất chính theo quy định của pháp luật. Ngày 03-01-2023, Lê Ngọc Th đã đến Công an quận Hồng Bàng đầu thú và khai nhận về hành vi phạm tội của mình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng đã tiến hành khám xét nơi ở của Th và thu giữ 01 tờ giấy A4 có nội dung thể hiện chị G vay tiền của Th. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra chứng minh được Th đã cho chị G vay và thu lãi các khoản cụ thể như sau:

- Khoản vay thứ nhất: ngày 30-3-2019, Th cho chị G vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Th bắt đầu thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 24-02-2020 với tổng số tiền lãi là 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng.

- Khoản vay thứ hai: ngày 27-5-2019, Th cho chị G vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 25-7-2019 với tổng số tiền lãi là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

- Khoản vay thứ ba: ngày 07-6-2019, Th cho chị G vay số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 10-4-2020 với tổng số tiền lãi là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng.

- Khoản vay thứ tư: ngày 20-6-2019, Th cho chị G vay số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 16-3-2020 với tổng số tiền lãi là 54.000.000 (năm mươi tư triệu) đồng.

- Khoản vay thứ năm: ngày 25-8-2019, Th cho chị G vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 24-02-2020 với tổng số tiền lãi là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

- Khoản vay thứ sáu: ngày 27-8-2019, Th cho chị G vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 25-10-2019 với tổng số tiền lãi là 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

- Khoản vay thứ bảy: ngày 29-8-2019, Th cho chị G vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 24-02-2020 với tổng số tiền lãi là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

- Khoản vay thứ tám: ngày 23-10-2019, Th cho chị G vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 24-02-2020 với tổng số tiền lãi là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc Th đã cho chị G vay là 20.000.000 đồng + 100.000.000 đồng + 80.000.000 đồng + 40.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 100.000.000 đồng = 460.000.000 đồng. Số tiền gốc này, chị G đã trả cho Th 160.000.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc vay chưa thanh toán là 300.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Th đã nhận của chị G từ các khoản vay nêu trên là 33.000.000 đồng + 30.000.000 đồng + 120.000.000 đồng + 54.000.000 đồng + 45.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 45.000.000 đồng + 60.000.000 đồng = 393.000.000 đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 16/KLGĐ-PC09 ngày 09-3-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “*Chữ ký, chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Trần Thị Hà G trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người ký và viết ra*”.

Tại Cáo trạng số 62/CT-VKSHB ngày 31-5-2023 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố Lê Ngọc Th về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự với tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội mà thu lời bất chính 100.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Lê Ngọc Th nhận tội như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố. Bị cáo có thái độ ăn năn về hành vi vi phạm, xác định do không hiểu biết nên đã vi phạm pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa căn cứ vào kết quả tranh tụng, căn cứ các quy định của pháp luật, giữ nguyên quyết định truy tố Lê Ngọc Th phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt “Phạm tội mà thu lời bất chính 100.000.000 đồng trở lên” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, Điều 65, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Lê Ngọc Th từ 12 (mười hai) tháng tù đến 18 (mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thời gian thử thách từ 24 (hai mươi tư)

tháng đến 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lê Ngọc Th phải nộp vào Ngân sách Nhà nước số tiền 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng là số tiền gốc cho vay đã nhận lại từ chị G; khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 43.068.493 (bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng - bị cáo đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 0006066 ngày 23-6-2023 và Biên lai thu tiền số 0006091 ngày 27-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Buộc bị cáo Lê Ngọc Th phải trả lại cho chị Trần Thị Hà G số tiền lãi thu lời bất chính từ trên 20% đến 182,5% là 349.931.507 (ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy) đồng. Buộc chị Trần Thị Hà G phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng là số tiền gốc đã vay của Lê Ngọc Th nhưng chưa trả.

Đối với một số khoản vay khác, Lê Ngọc Th và chị Trần Thị Hà G không nhớ được số tiền lãi phải trả, không có tài liệu nào chứng minh về khoản vay trên nên không đủ căn cứ để xác định số tiền thu lời bất chính. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên, phần lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận với quan điểm của Kiểm sát viên.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về nhận định các tình tiết của vụ án:

[2] Về tội danh: lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại giai đoạn điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ là 01 tờ giấy A4 có nội dung thể hiện Th cho chị G vay tiền và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đủ cơ sở xác định: trong thời gian từ tháng 3-2019 đến tháng 10-2019, Lê Ngọc Th đã cho chị Trần Thị Hà G vay nhiều lần với tổng số tiền 460.000.000 (bốn trăm sáu mươi triệu) đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm). Từ tháng 04-2019 đến tháng 02-2020, Th đã thu tổng số tiền lãi từ chị G là 393.000.000 (ba trăm chín mươi ba triệu) đồng. Theo quy định về “Lãi suất” tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho phép các bên thỏa thuận về lãi suất nhưng không được vượt quá là 20%/năm của khoản tiền vay. Như vậy, trong tổng số tiền lãi 393.000.000 đồng (tương ứng mức lãi suất 182,5%/01 năm) thì có 20% lãi suất hợp pháp. Bởi vậy, cần phải trừ đi số tiền lãi, tương ứng với mức lãi suất hợp pháp 20%/01 năm. Số tiền lãi còn lại được xác định là thu lời bất chính để xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Cụ thể như sau:

[2.1] Khoản vay thứ nhất: ngày 30-3-2019, Thịnh cho chị G vay 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Th bắt đầu thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 24-02-2020 với tổng số tiền lãi là 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng, tương ứng với số ngày vay là 330 ngày. Số tiền lãi mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được xác định như sau: $20\% \times \text{số ngày vay} \times \text{số tiền vay}$ là 20.000.000 đồng : 365 ngày = 3.616.438 đồng. Số tiền thu lời bất chính là 33.000.000 đồng - 3.616.438 đồng = 29.383.562 đồng.

[2.2] Khoản vay thứ hai: ngày 27-5-2019, Th cho chị G vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 25-7-2019 với tổng số tiền lãi là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, tương ứng với số ngày vay là 60 ngày. Số tiền lãi mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được xác định như sau: $20\% \times \text{số ngày vay} \times \text{số tiền vay}$ là 100.000.000 đồng : 365 ngày = 3.287.671 đồng. Số tiền thu lời bất chính là 30.000.000 đồng - 3.287.671 đồng = 26.712.329 đồng.

[2.3] Khoản vay thứ ba: ngày 07-6-2019, Th cho chị G vay số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 10-4-2020 với tổng số tiền lãi là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng, tương ứng với số ngày vay là 300 ngày. Số tiền lãi mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được xác định như sau: $20\% \times \text{số ngày vay} \times \text{số tiền vay}$ là 80.000.000 đồng : 365 ngày = 13.150.685 đồng. Số tiền thu lời bất chính là 120.000.000 đồng - 13.150.685 đồng = 106.849.315 đồng.

[2.4] Khoản vay thứ tư: ngày 20-6-2019, Th cho chị G vay số tiền 40.000.000 (bốn mươi triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 16-3-2020 với tổng số tiền lãi là 54.000.000 (năm mươi tư triệu) đồng, tương ứng với số ngày vay là 270 ngày. Số tiền lãi mức cao nhất theo quy định của Bộ luật

Dân sự được xác định như sau: $20\% \times \text{số ngày vay là 270 ngày} \times \text{số tiền vay là 40.000.000 đồng} : 365 \text{ ngày} = 5.917.800 \text{ đồng}$. Số tiền thu lãi bất chính là $54.000.000 \text{ đồng} - 5.917.800 \text{ đồng} = 48.082.200 \text{ đồng}$.

[2.5] Khoản vay thứ năm: ngày 25-8-2019, Th cho chị G vay số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 24-02-2020 với tổng số tiền là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng, tương ứng với số ngày vay là 180 ngày. Số tiền lãi mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được xác định như sau: $20\% \times \text{số ngày vay là 180 ngày} \times \text{số tiền vay là 50.000.000 đồng} : 365 \text{ ngày} = 4.931.507 \text{ đồng}$. Số tiền thu lãi bất chính là $54.000.000 \text{ đồng} - 4.931.507 \text{ đồng} = 40.068.493 \text{ đồng}$.

[2.6] Khoản vay thứ sáu: ngày 27-8-2019, Th cho chị G vay số tiền 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 25-10-2019 với tổng số tiền lãi là 6.000.000 (sáu triệu) đồng, tương ứng với số ngày vay là 60 ngày. Số tiền lãi mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được xác định như sau: $20\% \times \text{số ngày vay là 60 ngày} \times \text{số tiền vay là 20.000.000 đồng} : 365 \text{ ngày} = 658.000 \text{ đồng}$. Số tiền thu lãi bất chính là $6.000.000 \text{ đồng} - 658.000 \text{ đồng} = 5.342.466 \text{ đồng}$.

[2.7] Khoản vay thứ bảy: ngày 29-8-2019, Th cho chị G vay 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 24-02-2020 với tổng số tiền lãi là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng, tương ứng với số ngày vay là 180 ngày. Số tiền lãi mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được xác định như sau: $20\% \times \text{số ngày vay là 180 ngày} \times \text{số tiền vay là 50.000.000 đồng} : 365 \text{ ngày} = 4.931.507 \text{ đồng}$. Số tiền thu lãi bất chính là $45.000.000 \text{ đồng} - 4.931.507 \text{ đồng} = 40.068.493 \text{ đồng}$.

[3.8] Khoản vay thứ tám: ngày 23-10-2019, Th cho chị G vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Th thu lãi của chị G từ ngày vay đến hết ngày 24-02-2020 là 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng, tương ứng với số ngày vay là 120 ngày. Số tiền lãi mức cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được xác định như sau: $20\% \times \text{số ngày vay là 120 ngày} \times \text{số tiền vay là 100.000.000 đồng} : 365 \text{ ngày} = 6.575.342 \text{ đồng}$. Số tiền thu lãi bất chính là $60.000.000 \text{ đồng} - 6.575.342 \text{ đồng} = 53.424.658 \text{ đồng}$.

[2.9] Như vậy, tổng số tiền gốc Th đã cho chị G vay là 20.000.000 đồng + 100.000.000 đồng + 80.000.000 đồng + 40.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 50.000.000 đồng + 100.000.000 đồng = 460.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc này, chị G đã trả cho Th 160.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền gốc chưa thanh toán là 300.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi Th đã nhận của chị G từ các khoản vay nêu trên là 33.000.000 đồng + 30.000.000 đồng + 120.000.000 đồng + 54.000.000 đồng + 45.000.000 đồng + 6.000.000 đồng + 45.000.000 đồng + 60.000.000 đồng = 393.000.000 đồng. Trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi

suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là: 3.616.438 đồng + 3.287.671 đồng + 13.150.685 đồng + 5.917.800 đồng + 4.931.507 đồng + 658.000 đồng + 4.931.507 đồng + 6.575.342 đồng = 43.068.493 (bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng; số tiền lãi thu lời bất chính là 393.000.000 (ba trăm chín mươi ba triệu) đồng - 43.068.493 (bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng = 349.931.507 (ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy) đồng.

[2.10] Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở kết luận: hành vi của Lê Ngọc Th đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” với tổng số tiền thu lời bất chính là 349.931.507 đồng. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

[3] Tính chất vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của bị cáo còn làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn do phải trả lãi quá cao, làm ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống các tệ nạn xã hội.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn về hành vi phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Sau khi phạm tội, bị cáo ra đầu thú, bị cáo có bố đẻ là thương binh loại 4/4, bị cáo đã nộp tổng số tiền 203.068.493 (hai trăm linh ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng theo Biên lai thu tiền số 0006066 ngày 23-6-2023 và Biên lai thu tiền số 0006091 ngày 27-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, nên coi đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: trong tổng số 08 lần cho vay, bị cáo có 05 lần thực hiện hành vi phạm tội mà mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập. Do vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội từ 02 lần trở lên” theo qui định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt:

[6] Về hình phạt chính: trên cơ sở đánh giá đầy đủ tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, mục đích của hình phạt, nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Xét thấy, bị cáo vì mục đích thu lợi đã cho chị Trần Thị Hà G vay tiền với mức lãi suất cao để thu lời bất chính. Tuy nhiên, việc cho vay và vay giữa bị cáo và chị Trần Thị Hà G là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, bản thân bị cáo không biết việc cho vay với lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/01 ngày (tương đương mức lãi suất 182,5%/năm) là vi phạm pháp luật. Xét thấy, bị cáo có

hiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích tại mục [4]; ngoài hành vi bị xem xét lần này ra, bị cáo đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật; có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi xã hội, mà chỉ áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung. Do vậy, áp dụng hình phạt như đề nghị của Viện Kiểm sát là có cơ sở.

[7] Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có việc làm ổn định, không có căn cứ xác định bị cáo có tài sản riêng; bị cáo phải nộp vào ngân sách Nhà nước và trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền lớn. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo như đề nghị của Viện Kiểm sát là có căn cứ.

- Về áp dụng biện pháp tư pháp:

[8] Đối với khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo đã nhận từ người vay với số tiền là 43.068.493 đồng, khoản tiền lãi này không tính vào khối lượng buộc tội đối với bị cáo. Tuy nhiên, đây là số tiền lãi phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

[9] Đối với số tiền gốc mà Lê Ngọc Th cho vay: đây là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Lê Ngọc Th phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền gốc cho vay đã nhận lại từ chị Trần Thị Hà G là 160.000.000 đồng. Đối với số tiền gốc 300.000.000 đồng chị G vay chưa trả cho bị cáo, về nguyên tắc, chị G phải trả cho bị cáo theo giao dịch dân sự. Tuy nhiên, xác định đây là tiền bị cáo sử dụng để thực hiện tội phạm. Bởi vậy, không buộc chị G phải trả lại số tiền đó cho bị cáo mà buộc chị G phải nộp vào ngân sách Nhà nước.

[10] Về tiền thu lợi bất chính: về nguyên tắc, số tiền bị cáo thu lợi từ việc phạm tội phải tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, đối với đặc thù của loại tội phạm này do xuất phát từ giao dịch dân sự, người vay tiền của bị cáo đều với mục đích phục vụ kinh doanh, sinh hoạt, phục vụ cuộc sống hàng ngày; người vay đã phải chịu lãi nặng. Bởi vậy, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người vay cần buộc bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền lãi đã thu từ mức lãi suất trên 20% trở lên. Do đó, buộc bị cáo phải trả lại cho chị Trần Thị Hà G số tiền thu lợi bất chính là 349.931.507 đồng.

[11] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án. Bởi vì, bản chất đây là số tiền thu lợi bất chính, không phải tiền bồi thường dân sự.

[12] Về vấn đề khác: đối với một số khoản vay khác, Lê Ngọc Th và chị Trần Thị Hà G không nhớ được số tiền lãi phải trả, không có tài liệu nào chứng

minh về khoản vay trên nên không đủ căn cứ để xác định số tiền thu lời bất chính. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Lê Ngọc Th 15 (mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; thời gian thử thách 30 (ba mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Lê Ngọc Th cho Ủy ban nhân dân phường H, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú.

Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Lê Ngọc Th phải nộp vào Ngân sách nhà nước số tiền 203.068.493 (hai trăm linh ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng; trong đó có: 160.000.000 (một trăm sáu mươi triệu) đồng là số tiền gốc Th cho vay đã nhận lại từ chị G và số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 43.068.493 (bốn mươi ba triệu không trăm sáu mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng; bị cáo đã nộp đủ số tiền trên theo Biên lai thu tiền số 0006066 ngày 23-6-2023 và Biên lai thu tiền số 0006091 ngày 27-7-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Buộc bị cáo Lê Ngọc Th phải trả lại cho chị Trần Thị Hà G số tiền lãi thu lời bất chính là 349.931.507 (ba trăm bốn mươi chín triệu chín trăm ba mươi một nghìn năm trăm linh bảy) đồng. Buộc chị Trần Thị Hà G phải nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 45, điểm d khoản 1 Điều 125 Bộ luật Tố tụng hình sự: hủy bỏ biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” đối với Lê Ngọc Th.

- Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo Lê Ngọc Th phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP. Hải Phòng;
- VKSND TP. Hải Phòng;
- PV 06 Công an TP. Hải Phòng;
- CA quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ đến vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Chung

- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.